

PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NĂM 2022 VÀ NĂM 2023 CTMTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 VÀ NĂM 2023 ĐẾN HẾT THỜI GIAN CHÍNH LÝ NGÂN SÁCH NĂM 2023**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-DT ngày tháng 6 năm 2024 của Phòng Dân tộc huyện Đắk Mil)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023											Tổng hợp giải ngân năm 2022 và năm 2023 thời gian chính lý ngân sách năm 2023	Kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2022 đến hết thời gian chính lý ngân sách năm 2023				Kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2023 đến hết thời gian chính lý ngân sách năm 2023				Tỷ lệ % giải ngân tổng cộng năm 2022 và năm 2023 thời gian chính lý ngân sách năm 2023	Ghi chú	
		Tổng cộng	Nguồn vốn năm 2022				Nguồn vốn năm 2023				Tổng	Trong đó		Tỷ lệ % giải ngân vốn năm 2022 đến hết thời gian chính lý ngân sách năm 2023	Tổng	Trong đó		Tỷ lệ % giải ngân vốn năm 2023 đến hết thời gian chính lý ngân sách năm 2023						
			Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp				
				Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		Ngân sách TW	Ngân sách ĐP											Ngân sách TW			Ngân sách ĐP
A	CTMTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBĐTTS&MN	112.326	50.286	42.170	4.348	2.953	815	62.040	44.884	4.233	10.133	2.790	99.348,510	48.504,129	46.100,338	2.403,791	96,457%	50.844,381	48.026,194	2.818,187	81,954%	88,447%		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.464	773	480	48	245	-	1.691	720	72	899	-	932	465	220	245	60,155%	467	176	290,8	27,605%	37,817%		
1	Hỗ trợ nhà ở (44 triệu đồng/hộ)	1.320	528	480	48	-	-	792	720	72	-	-	396	220	220	-	41,667%	176	176	-	22,222%	30%		
-	Xã Đức Minh	264	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xã Đắk Sắk	264	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	132	132	132	-	100%	-	-	-	-	-	50%	
-	Xã Đắk R'l'a	264	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	88	-	-	-	-	88	88	-	66,667%	33,3%		
-	Xã Đắk Gản	264	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	88	88	88	-	66,667%	-	-	-	-	-	33,3%	
-	Xã Đắk N'Drót	88	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-	88	-	-	-	-	88	88	-	100%	100%		
-	Xã Long Sơn	88	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xã Thuận An	88	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (10 triệu đồng/hộ)	829	200	-	-	200	-	629	-	-	629	-	300	200	-	200	100%	100	-	100	15,898%	36,188%		
-	Xã Đức Minh	250	50	-	-	50	-	200	-	-	200	-	50	50	-	50	100%	-	-	-	-	-	20%	
-	Xã Đắk Sắk	329	50	-	-	50	-	279	-	-	279	-	50	50	-	50	100%	-	-	-	-	-	15,198%	
-	Xã Đắk R'l'a	110	50	-	-	50	-	60	-	-	60	-	110	50	-	50	100%	60	-	60	100%	100%		
-	Xã Đắk Gản	100	50	-	-	50	-	50	-	-	50	-	50	50	-	50	100%	-	-	-	-	-	50%	
-	Xã Đắk N'Drót	40	-	-	-	-	-	40	-	-	40	-	40	-	-	-	-	40	40	40	100%	100%		
3	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (3 triệu đồng/hộ)	315	45	-	-	45	-	270	-	-	270	-	235,80	45	-	45	100%	190,8	-	190,8	70,667%	74,857%		
-	Xã Đắk Sắk	219	15	-	-	15	-	204	-	-	204	-	159,2	15	-	15	100%	144,2	-	144,2	70,686%	72,694%		
-	Xã Đắk R'l'a	51	30	-	-	30	-	21	-	-	21	-	44,8	30	-	30	100%	14,8	-	14,8	70,476%	87,843%		
-	Xã Đắk Gản	15	-	-	-	-	-	15	-	-	15	-	10,6	-	-	-	-	10,6	-	10,6	70,667%	70,667%		
-	Xã Long Sơn	30	-	-	-	-	-	30	-	-	30	-	21,2	-	-	-	-	21,2	-	21,2	70,667%	70,667%		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	89.793	44.000	40.000	4.000	-	-	45.793	41.893	3.900	-	-	89.432,841	44.000	44.000	-	100%	45.433	45.433	-	99,214%	99,569%		

Nguồn vốn năm 2022 giao các xã thực hiện; năm nguồn vốn 2023 giao Phòng Dân tộc phối hợp với các xã triển khai thực hiện

-	Tên dự án: Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Bon Đăk Săk và Bon Đăk Mám	34.165	22.000	20.000	2.000	-	-	12.165	11.165	1.000	-	-	33.841,84	22.000	22.000	-	100%	11.841,841	11.842	-	97,344%	99,054%	
-	Tên dự án: Định canh định cư tập trung xã Đăk R'la, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	42.664	22.000	20.000	2.000	-	-	20.664	18.874	1.790	-	-	42.627	22.000	22.000	-	100%	20.627	20.627	-	99,821%	99,913%	
-	Tên Dự án: Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đăk Láp, xã Đăk Gắn và bon Jun Juh, xã Đức Minh	12.964	-	-	-	-	-	12.964	11.854	1.110	-	-	12.964	-	-	-	-	12.964	12.964	-	100%	100%	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	938	313	-	-	297	16	625	-	-	598	27	66,95	66,95	-	66,95	21,390%	-	-	-	-	7,138%	
I	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	938	313	-	-	297	16	625	-	-	598	27	66,95	66,95	-	66,95	21,390%	-	-	-	-	7,138%	
-	Xã Đức Minh	195	70	-	-	67	3	125	-	-	119,6	5,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xã Đăk Săk	321	71	-	-	67	4	250	-	-	239,2	10,8	66,95	66,95	-	66,95	94,296%	-	-	-	-	20,857%	
-	Xã Đăk R'la	196	71	-	-	67	4	125	-	-	119,6	5,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xã Đăk Gắn	226	101	-	-	96	5	125	-	-	119,6	5,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	3.451	1.297	1.186	-	111	-	2.154	1.856	-	298	-	2.875,363	1.103,505	1.103,505	-	85,081%	1.771,858	1.771,858	-	82,259%	83,320%	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.451	1.297	1.186	-	111	-	2.154	1.856	-	298	-	2.875,363	1.103,505	1.103,505	-	85,081%	1.771,858	1.771,858	-	82,259%	83,320%	
*	Vốn đầu tư	3.042	1.186	1.186	-	-	-	1.856	1.856	-	-	-	2.875,363	1.103,505	1.103,505	-	93,44%	1.771,858	1.771,858	-	95,466%	94,522%	
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội Bon Đăk Láp, xã Đăk Gắn	1.186	1.186	1.186	-	-	-	-	-	-	-	-	1.103,505	1.103,505	1.103,505	-	93,44%	-	-	-	-	93,044%	
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội Bon Jun Juh, xã Đức Minh	1.000	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-	915,858	-	-	-	-	915,858	915,858	-	91,586%	91,586%	
+	Đầu tư xây dựng hệ thống hóa tuyến đường giao thông nội Bon Jun Juh đầu nối với khu sản xuất	856	-	-	-	-	-	856	856	-	-	-	856	-	-	-	-	856	856	-	100%	100%	
*	Vốn sự nghiệp	409	111	-	-	111	-	298	-	-	298	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	UBND Đăk Gắn (Vốn sự nghiệp năm 2022: 111 triệu đồng); UBND xã Đức Minh vốn sự nghiệp 2023: 298 triệu đồng);	409	111	-	-	111	-	298	-	-	298	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện năm 2022 bị huỷ: 15 triệu (Số liệu bảng này chưa giảm trừ huỷ theo số liệu kho bạc). "Số Liệu giải ngân 66,95 triệu của xã Đăk Săk theo số liệu của KBNN huyện"

V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.773	1.530	-	-	1.130	400	4.243	-	-	3.050	1.193	2.676,739	1.134,540	-	1.134,540	74,153%	1.542,199	-	1.542,199	36,347%	46,367%	
1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	5.661	1.502	-	-	1.102	400	4.159	-	-	2.966	1.193	2.676,739	1.134,540	-	1.134,540	75,535%	1.542,199	-	1.542,199	37,081%	47,284%	
-	Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	5.661	1.502	-	-	1.102	400	4.159	-	-	2.966	1.193	2.676,739	1.134,540	-	1.134,540	75,535%	1.542,199	-	1.542,199	37,081%	47,284%	
2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	112	28	-	-	28	-	84	-	-	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Phòng Dân tộc	112	28	-	-	28	-	84	-	-	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	3.999	1.262	498	300	160	304	2.737	415	261	730	1.331	1.863,6759	1.218,1806	776,8327	441,3480	96,528%	645,49532	645,49532	-	23,584%	46,604%	
*	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.999	1.262	498	300	160	304	2.737	415	261	730	1.331	1.863,6759	1.218,1806	776,8327	441,3480	96,528%	645,49532	645,49532	-	23,584%	46,604%	
1	Vốn đầu tư	1.474	798	498	300	-	-	676	415	261	-	-	1.422,328	776,8327	776,8327	-	97,347%	645,49532	645,49532	-	95,487%	96,494%	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Jun Juh	371	-	-	-	-	-	371	230	141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Đắc Me	305	-	-	-	-	-	305	185	120	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon R'la	222	222	138	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Đắc Krai	288	288	180	108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Đắc Láp	288	288	180	108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Vốn sự nghiệp	2.525	464	-	-	160	304	2.061	-	-	730	1.331	441,348	441,3480	-	441,3480	95,118%	-	-	-	-	17,479%	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	468	129	-	-	55	74	339	-	-	152	187	467,292186	128,969186	-	128,969186	99,976%	338,323	-	338,323	99,8%	99,849%	
-	Phòng y tế năm 2022; Văn phòng HDND&UBND năm 2023	468	129	-	-	55	74	339	-	-	152	187	467,292186	128,969186	-	128,969186	99,976%	338,323	-	338,323	99,8%	99,849%	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	339	92	-	-	92	-	247	-	-	247	-	317,00492	92	-	92	100%	225,00492	-	225,00492	91,095%	93,512%	
-	Hội Liên Hiệp Phụ nữ huyện	339	92	-	-	92	-	247	-	-	247	-	317,00492	92	-	92	100%	225,00492	-	225,00492	91,095%	93,512%	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	4.819	822	-	-	816	6	3.997	-	-	3.981	16	454	233	-	233	28,345%	221	-	221	5,529%	9,421%	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	4.565	789	-	-	783	6	3.776	-	-	3.760	16	200	200	-	200	25,349%	-	-	-	-	4,381%	
-	Xã Đức Minh	939	184	-	-	183	1	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện năm 2022 bị huỷ theo số liệu kho bạc: 06 triệu (Số liệu bảng này chưa giảm trừ huỷ)

-	Xã Đăk Săk	1.713	202	-	-	200	2	1.511	-	-	1.504	7	200	200	-	200	99,010%	-	-	-	-	11,675%	theo số liệu kho bạc). Dự án đang tạm dừng theo CV 641 của Ban Dân tộc và Công văn 39 của Phòng Dân tộc (Số Liệu giải ngân 200 triệu của xã Đăk Săk theo số liệu KBNN huyện)
-	Xã Đăk R'l'a	956	201	-	-	200	1	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xã Đăk Gản	957	202	-	-	200	2	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	254	33	-	-	33	-	221	-	-	221	-	254	33	-	33	100%	221	-	221	100%	100%	
-	Phòng Dân tộc	254	33	-	-	33	-	221	-	-	221	-	254	33	-	33	100%	221	-	221	100%	100%	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	282	68	6	-	47	15	214	-	-	178	36	262,844	61,984	-	61,984	91,153%	200,860	-	200,860	93,86%	93,207%	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	274	60	-	-	45	15	214	-	-	178	36	260,844	59,984	-	59,984	99,973%	200,860	-	200,860	93,86%	95,199%	
-	Phòng Dân tộc	274	60	-	-	45	15	214	-	-	178	36	260,84	59,984	-	59,984	99,973%	200,860	-	200,860	93,86%	95,199%	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6	6	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Phòng Dân tộc	6	6	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	2	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	2	100%	-	-	-	-	100%	
-	Phòng Dân tộc	2	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	2	100%	-	-	-	-	100%	

PHỤ LỤC II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CTMTQG GIA KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN
ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK MIL (BAO GỒM KINH PHÍ NĂM 2022 VÀ 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024)
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-DT ngày tháng năm 2024 của Phòng Dân tộc huyện Đắk Mil)

Stt	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	TỔNG CỘNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 CHUYỂN SANG NĂM 2024					DỰ TOÁN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024					DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO 2024 THEO QĐ 1712/QĐ-UBND TỈNH ĐẮK NÔNG; THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1066/QĐ-UBND (ĐỢT 1), QUYẾT ĐỊNH SỐ 1061/QĐ-UBND; QUYẾT ĐỊNH SỐ 1537/QĐ-UBND (ĐỢT 2), QĐ- 1967/QĐ-UBND (ĐỢT 3) CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL				Giải ngân nguồn vốn từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 trong năm 2024 và ước giải ngân hết năm 2024								Chỉ chú				
			Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp			Giải ngân nguồn vốn từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 trong năm 2024		Ước giải ngân năm 2024 (Bao gồm cả chuyển nguồn năm 2022, năm 2023 sang năm 2024)														
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp			
																			Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		Ngân sách TW		Ngân sách ĐP	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	
A	CTMTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBDTTS&MN	67.758,444	1.760,8	368,495	49,167	1.342,2	1	11.195,619	978,825	111,981	8.618,813	1.486	54.802	47.623	4.700	2.035	444	20.133,214	19.963,054	-	94,140	76,02	66.999,329	48.806,4	4.821	11.528	1.844		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.563	308	280	28	-	-	1.224,2	560	56	608	-	1.031	465	44	522	-	429,2	363,2	-	66	-	2.563	1.305	128	1.130	-		
1	Hỗ trợ nhà ở	1.433	308	280	28	-	-	616	560	56	-	-	509	465	44	-	-	363,2	363,2	-	-	-	1.433	1.305	128	-	-		
-	Xã Đức Minh	396	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	-	363,2	363,2	-	-	-	396	360	36	-	-	
-	Xã Đắk Sắk	264	-	-	-	-	-	132	120	12	-	-	132	120	12	-	-	240	240	-	-	-	264	240	24	-	-	Kho bạc bảo 120 triệu đồng (Nhưng thực tế xã báo lại đã rút vốn 240 triệu đồng)	
-	Xã Đắk R'l'a	308	132	120	12	-	-	44	40	4	-	-	132	120	12	-	-	123,2	123,2	-	-	-	308	280	28	-	-	Kho bạc bảo 30,8 triệu đồng (Nhưng thực tế xã báo đã rút vốn 123,2 triệu đồng)	
-	Xã Đắk Gân	220	44	40	4	-	-	132	120	12	-	-	44	40	4	-	-	-	-	-	-	220	200	20	-	-			
-	Xã Đắk N'Drót	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44	40	4	-	-	-	-	-	-	44	40	4	-	-			
-	Xã Long Sơn	113	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-	25	25	-	-	-	-	-	-	-	113	105	8	-	-			
-	Xã Thuận An	88	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	88	80	8	-	-			
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (10 triệu đồng/hộ)	916	-	-	-	-	-	529	-	-	529	-	387	-	-	387	-	-	-	-	-	916	-	-	916	-			
-	Xã Đức Minh	357	-	-	-	-	-	200	-	-	200	-	157	-	-	157	-	-	-	-	-	357	-	-	357	-			
-	Xã Đức Sắk	389	-	-	-	-	-	279	-	-	279	-	110	-	-	110	-	-	-	-	-	389	-	-	389	-			
-	Xã Đắk R'l'a	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	60	-	-	-	-	-	60	-	-	60	-			
-	Xã Đắk Gân	70	-	-	-	-	-	50	-	-	50	-	20	-	-	20	-	-	-	-	-	70	-	-	70	-			
-	Xã Đắk N'Drót	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-	-	40	-	-	-	-	-	40	-	-	40	-			
3	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (3 triệu đồng/hộ)	214,20	-	-	-	-	-	79,2	-	-	79,2	-	135	-	-	135	-	66	-	-	66	214,2	-	-	214,2	-			
-	Xã Đắk Sắk	173,84	-	-	-	-	-	59,84	-	-	59,84	-	114	-	-	114	-	66	-	-	66	173,84	-	-	173,84	-			
-	Xã Đắk R'l'a	6,16	-	-	-	-	-	6,16	-	-	6,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,16	-	-	6,16	-			
-	Xã Đắk Gân	4,40	-	-	-	-	-	4,40	-	-	4,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,4	-	-	4,4	-			
-	Xã Long Sơn	29,80	-	-	-	-	-	8,80	-	-	8,8	-	21	-	-	21	-	-	-	-	-	29,8	-	-	29,8	-			
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	49.473,159	-	-	-	-	-	360,159	323,159	37	-	-	49.113	44.613	4.500	-	-	19.551,854	19.551,854	-	-	-	49.473,16	44.936,16	4.537	-	-		
*	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất	49.473,159	-	-	-	-	-	360,159	323,159	37	-	-	49.113	44.613	4.500	-	-	19.551,854	19.551,854	-	-	-	49.473,159	44.936,159	4.537	-	-		
*	Vốn đầu tư	49.473,16	-	-	-	-	-	360,16	323,16	37	-	-	49.113	44.613	4.500	-	-	19.551,85	19.551,85	-	-	-	49.473,16	44.936,16	4.537	-	-		
-	Tên dự án: Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Bon Đắk Sắk và Bon Đắk Mắm	10.360,16	-	-	-	-	-	360,159	323,159	37	-	-	10.000	10.000	-	-	-	4.098,847	4.098,847	-	-	-	10.360,16	10.323,16	37	-	-	Đơn vị báo giải ngân thêm từ 21/6-28/6/2024 số tiền: 2.726,433 triệu đồng so với số liệu kho bạc	

-	Tên dự án: Định canh định cư tập trung xã Đắk R'l'a, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	18.963	-	-	-	-	-	-	-	-	18.963	17.803	1.160	-	-	8.579,493	8.579,493	-	-	-	18.963	17.803	1.160	-	-	Đơn vị bảo thêm từ 21/6-28/6/2024 số tiền: 3.200,718 triệu đồng so với số liệu kho bạc						
-	Tên Dự án: Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Lấp, xã Đắk Gản và bon Jun Juh, xã Đức Minh	20.150	-	-	-	-	-	-	-	-	20.150	16.810	3.340	-	-	6.873,51	6.873,514	-	-	-	20.150	16.810	3.340	-	-							
*	Vốn sự nghiệp (Dự kiến giao về Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-							
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	1.326,05	231,05	-	-	230,05	1	625	-	-	598	27	470	-	-	360	110	-	-	-	-	-	-	-	-	1.259,75	-	-	1.128,65	131,10		
I	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.326,05	231,05	-	-	230,05	1	625	-	-	598	27	470	-	-	360	110	-	-	-	-	-	-	-	-	1.259,75	-	-	1.128,65	131,10		
-	Xã Đức Minh	286	67	-	-	67	-	125	-	-	119,6	5,4	94	-	-	72	22	-	-	-	-	-	-	-	-	271,70	-	-	245,67	26,03		
-	Xã Đắk Sắk	438,05	0,05	-	-	0,05	-	250	-	-	239,2	10,8	188	-	-	144	44	-	-	-	-	-	-	-	-	416,15	-	-	364,09	52,06		
-	Xã Đắk R'l'a	286	67	-	-	67	-	125	-	-	119,6	5,4	94	-	-	72	22	-	-	-	-	-	-	-	-	271,70	-	-	245,67	26,03		
-	Xã Đắk Gản	316	97	-	-	96	1	125	-	-	119,6	5,4	94	-	-	72	22	-	-	-	-	-	-	-	-	300,20	-	-	273,22	26,98		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	3.164,64	193,50	82,50	-	111	-	382,14	84,142	-	298	-	2.589	2.239	-	350	-	76,02	-	-	-	-	-	-	-	76,02	3.012,25	2.253,25	-	759	-	
I	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.164,64	193,50	82,50	-	111	-	382,14	84,142	-	298	-	2.589	2.239	-	350	-	76,02	-	-	-	-	-	-	-	76,02	3.012,25	2.253,25	-	759	-	
*	Vốn đầu tư	2.405,64	82,50	82,50	-	-	-	84,142	84,142	-	-	-	2.239	2.239	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.253,25	2.253,25	-	-	-	
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội Bon Đắk Lấp, xã Đắk Gản	82,495	82,495	82,495	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Công trình đã thanh toán hoàn thành dự dự toán trả ngân sách nhà nước
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội Bon Jun Juh, xã Đức Minh	84,142	-	-	-	-	-	84,142	84,142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14,25	14,25	-	-	-	-	Công trình đã thanh toán hoàn thành dự dự toán trả ngân sách nhà nước sau khi chi trả chi phí quyết toán 14,25 triệu đồng
+	Đầu tư xây dựng bê tông hóa tuyến đường giao thông nội Bon Jun Juh đầu nối với khu sản xuất	644	-	-	-	-	-	-	-	-	644	644	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	644	644	-	-	-	-	
+	Công trình đường điện chiếu sáng tại Bon Đắk Sắk và Bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk	674	-	-	-	-	-	-	-	-	674	674	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	674	674	-	-	-	-	
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường nội Bon Đắk Sắk, xã Đắk Sắk	550	-	-	-	-	-	-	-	-	550	550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	550	550	-	-	-	-	Đơn vị đang trong quá trình thi công hồ sơ để nghỉ cấp vốn
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường nội Thôn Năm Tầng, xã Đắk R'l'a	150	-	-	-	-	-	-	-	-	150	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	150	-	-	-	-	
+	Công trình nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội Bon Đắk Lấp, xã Đắk Gản	221	-	-	-	-	-	-	-	-	221	221	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	221	221	-	-	-	-	
*	Vốn sự nghiệp	759	111	-	-	111	-	298	-	298	-	350	-	350	-	76,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	76,02	759	-	-	759	-	Giải ngân vốn kéo dài (Tạm ứng)
-	UBND Đắk Gản (Vốn sự nghiệp năm 2022: 111 triệu đồng); UBND xã Đức Minh vốn sự nghiệp 2023: 298 triệu đồng, năm 2024 xã Đắk R'l'a: 350 triệu đồng); năm 2025 350 triệu đồng phân bổ về cho các xã có nhu cầu phù hợp	759	111	-	-	111	-	298	-	298	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	759	-	-	759	-	-	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	3.157,26	395,46	-	-	395,46	-	2.700,80	-	2.588,80	112	61	-	61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.008,05	-	-	2.902	106,40		

1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	2.984,26	367,46	-	-	367,46	-	2.616,80	-	-	2.504,80	112	-	-	-	-	-	-	-	2.835	-	-	2.728,6	106,4				
-	Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	1.754,26	367,46	-	-	367,46	-	1.386,80	-	-	1.386,80	-	-	-	-	-	-	-	-	1.666,5	-	-	1.666,5	-				
-	Nguồn vốn năm 2023 chưa phân bổ được kéo dài sang năm 2024, hiện chưa phân bổ (Dang để nghị chuyển sang tiểu dự án 1 thuộc dự án 4 (NSTW) và dự án 8 (NSH))	1.230	-	-	-	-	-	1.230	-	-	1.118	112	-	-	-	-	-	-	-	1.168,5	-	-	1.062,1	106,40				
2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	173	28	-	-	28	-	84	-	-	84	-	61	-	-	61	-	-	-	173	-	-	173	-				
-	Phòng Dân tộc	173	28	-	-	28	-	84	-	-	84	-	61	-	-	61	-	-	-	173	-	-	173	-				
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.902,32	43,82	-	21,17	22,65	-	2.091,50	11,52	18,98	730	1.331	767	267	156	155	189	48	48	-	-	-	2.746,47	267	156	870,02	1,453	
*	Phòng Văn hóa và Thông tin	2.902,32	43,82	-	21,17	22,65	-	2.091,50	11,52	18,98	730	1.331	767	267	156	155	189	48	48	-	-	-	2.746,47	267	156	870,02	1,453	
1	Vốn đầu tư	474,67	21,17	-	21,167	-	-	30,50	11,524	18,981	-	-	423	267	156	-	-	48	48	-	-	-	423	267	156	-	-	
-	Nguồn vốn kéo dài chuyển từ năm 2022, năm 2023 sang năm 2024	51,68	21,17	-	21,170	-	-	30,505	11,524	18,981	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Công trình đã thanh toán hoàn thành dự toán trả ngân sách nhà nước
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon R'la	76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	76	48	28	-	-	48	48	-	-	-	76	48	28	-	-		
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Sa Pa	180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	112	68	-	-	-	-	-	-	180	112	68	-	-			
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Bon Bu Đak	167	-	-	-	-	-	-	-	-	-	167	107	60	-	-	-	-	-	-	167	107	60	-	-			
2	Vốn sự nghiệp	2.427,65	22,65	-	-	22,65	-	2.061	-	-	730	1.331	344	-	-	155	189	-	-	-	-	2.323,47	-	-	870,02	1,453		
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0,677	-	-	-	-	-	0,677	-	-	0,677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,677	-	-	0,677	-		
-	Phòng y tế năm 2022; Văn phòng HDND&UBND năm 2023	0,677	-	-	-	-	-	0,677	-	-	0,677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,677	-	-	0,677	-		
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	325,9951	-	-	-	-	-	21,995	-	-	21,995	-	304	-	-	304	-	28,13998	-	-	-	326	-	-	326	-		Giải ngân nguồn vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 giải ngân: 21,995 triệu đồng; nguồn vốn năm 2024 giải ngân: 6,1449 triệu đồng
-	Hội Liên Hiệp Phụ nữ huyện	325,9951	-	-	-	-	-	21,995	-	-	21,995	-	304	-	-	304	-	28,13998	-	-	-	325,995	-	-	325,995	-		
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	4.446	583	-	-	583	-	3.776	-	-	3.760	16	87	-	-	87	-	-	-	-	-	4.228,05	-	-	4.212,85	15,20		
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	4.359	583	-	-	583	-	3.776	-	-	3.760	16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.141,05	-	-	4.125,9	15,2		
-	Xã Đức Minh	938	183	-	-	183	-	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	891,10	-	-	888,25	2,85		
-	Xã Đak Săk	1.511	-	-	-	-	-	1.511	-	-	1.504	7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.435	-	-	1.429	6,65		
-	Xã Đak R'la	955	200	-	-	200	-	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	907,25	-	-	904,4	2,85		
-	Xã Đak Găn	955	200	-	-	200	-	755	-	-	752	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	907,25	-	-	904,4	2,85		

2	Tiêu dự án 02: Giám thiêu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	-	-	87	-	-	-	-	-	-	87	-	-	87	-
-	Phòng Dân tộc	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	-	-	87	-	-	-	-	-	-	87	-	-	87	-
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	399,14	6	6	-	-	-	13,14	-	-	13,14	-	380	39	-	196	145	-	-	-	-	381,73	45	-	198,98	137,75
1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	348,14	-	-	-	-	13,14	-	-	13,14	-	335	-	-	190	145	-	-	-	-	-	330,73	-	-	192,98	137,75
-	Phòng Dân tộc	348,14	-	-	-	-	13,14	-	-	13,14	-	335	-	-	190	145	-	-	-	-	-	330,73	-	-	192,98	137,75
2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	45	6	6	-	-	-	-	-	-	-	39	39	-	-	-	-	-	-	-	-	45	45	-	-	-
-	Phòng Dân tộc	45	6	6	-	-	-	-	-	-	-	39	39	-	-	-	-	-	-	-	-	45	45	-	-	-
3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	-
-	Phòng Dân tộc	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	-

Năm 2024 cấp 39 triệu hiện chưa phân bổ dự toán cho đơn vị. (Đơn vị đang trong quá trình tham mưu thủ tục hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định)